

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

Số: 1037/TMP-TCKT

V/v giải trình kết quả kinh doanh  
năm 2022 đã kiểm toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (mã CK: TMP) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2022 của Công ty tăng so với năm 2021 (năm 2022: 559,08 tỷ đồng, năm 2021: 315,69 tỷ đồng) do: Doanh thu bán điện - Thủy điện trong kỳ tăng, sản lượng điện sản xuất năm 2022 là 866,7 triệu kWh tăng so với năm 2021 là 663,5 triệu kWh.

Trên đây là giải trình kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

Trân trọng.

*Nơi nhận :*

- Như trên;
- Lưu TCKT, VT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Huỳnh Văn Khánh**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 4403000108 ngày 1 tháng 1 năm 2008  
**Kinh doanh/Doanh nghiệp số** 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 19 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 11 năm 2022)
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên (từ ngày 20 tháng 5 năm 2022 đến ngày 24 tháng 11 năm 2022)

**Ban Kiểm soát**

Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Lại Lệ Hương	Thành viên
Bà Đoàn Sứ Ngọc Trân	Thành viên (từ ngày 20 tháng 5 năm 2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật** Ông Nguyễn Văn Non Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu 5, Phường Thác Mơ  
Thị xã Phước Long  
Tỉnh Bình Phước  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Văn Non**  
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

307-  
NH  
INH  
G  
CH



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00326-23-1



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.070.824.194.430</b>	<b>707.405.245.080</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.530.155.747</b>	<b>67.939.072.092</b>
Tiền	111		3.530.155.747	2.939.072.092
Các khoản tương đương tiền	112		-	65.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5(a)</b>	<b>733.000.000.000</b>	<b>415.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		733.000.000.000	415.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>331.154.275.358</b>	<b>222.706.653.730</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	272.610.696.880	170.409.463.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.056.598.309	656.140.080
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	14.640.000.000	14.640.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	42.846.980.169	37.001.050.465
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.493.461.627</b>	<b>1.042.336.919</b>
Hàng tồn kho	141		2.493.461.627	1.042.336.919
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>646.301.698</b>	<b>717.182.339</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		178.842.109	110.419.722
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	467.459.589	606.762.617

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.060.901.923.062</b>	<b>1.127.260.656.950</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>66.774.107.000</b>	<b>80.560.000.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	65.920.000.000	80.560.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		854.107.000	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>542.987.839.181</b>	<b>598.446.496.010</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	533.153.090.234	589.038.966.956
Nguyên giá	222		2.613.631.066.803	2.609.902.250.851
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.080.477.976.569)	(2.020.863.283.895)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.834.748.947	9.407.529.054
Nguyên giá	228		14.290.235.933	13.309.813.335
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.455.486.986)	(3.902.284.281)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.944.512.876</b>	<b>1.943.292.479</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	6.944.512.876	1.943.292.479
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>438.394.430.000</b>	<b>438.394.430.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		101.400.000.000	101.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.801.034.005</b>	<b>7.916.438.461</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.100.148.856	6.167.899.932
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		700.885.149	1.748.538.529
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.131.726.117.492</b>	<b>1.834.665.902.030</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>581.260.855.753</b>	<b>560.304.890.941</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>204.583.159.690</b>	<b>135.514.648.284</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	34.402.617.364	26.599.045.741
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	75.335.214.298	33.705.648.320
Phải trả người lao động	314		23.147.926.103	20.218.080.501
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.077.996.944	2.491.208.115
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	10.983.635.611	10.506.018.832
Vay ngắn hạn	320	17(a)	50.853.956.580	39.262.245.888
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	7.781.812.790	2.732.400.887
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>376.677.696.063</b>	<b>424.790.242.657</b>
Vay dài hạn	338	17(b)	355.977.696.063	405.709.874.190
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	2.518.473.500
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		20.700.000.000	16.561.894.967
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.550.465.261.739</b>	<b>1.274.361.011.089</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.550.465.261.739</b>	<b>1.274.361.011.089</b>
Vốn cổ phần	411	20	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	290.931.473.498	231.969.100.587
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		503.079.420.150	285.937.542.411
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		-	(29.757.130.714)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		503.079.420.150	315.694.673.125
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.131.726.117.492</b>	<b>1.834.665.902.030</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>943.265.188.459</b>	<b>634.781.927.935</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>269.091.657.925</b>	<b>226.528.939.541</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>674.173.530.534</b>	<b>408.252.988.394</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	89.979.946.730	53.773.172.150
Chi phí tài chính	22	27	34.299.833.827	30.236.221.955
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.299.833.827	31.804.516.955
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	53.876.568.180	49.596.456.741
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>675.977.075.257</b>	<b>382.193.481.848</b>
Thu nhập khác	31		4.629.857.817	368.028.627
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>4.629.857.817</b>	<b>368.028.627</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>680.606.933.074</b>	<b>382.561.510.475</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>121.527.512.924</b>	<b>66.866.837.350</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>559.079.420.150</b>	<b>315.694.673.125</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởngNguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>680.606.933.074</b>	<b>382.561.510.475</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	62.342.331.992	60.865.214.040
Các khoản dự phòng	03	(2.518.473.500)	(1.655.400.500)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(89.979.946.730)	(53.828.743.504)
Chi phí lãi vay	06	34.299.833.827	31.804.516.955
Điều chỉnh khác	07	2.060.518.420	13.792.232.017
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>686.811.197.083</b>	<b>433.539.329.483</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(106.029.734.900)	(84.143.308.162)
Biến động hàng tồn kho	10	(403.471.328)	1.251.153.390
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.241.767.402	40.265.389.301
Biến động chi phí trả trước	12	999.328.689	(792.011.261)
		<b>585.619.086.946</b>	<b>390.120.552.751</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.128.410.712)	(31.794.181.510)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(71.501.056.430)	(68.428.040.367)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(12.022.607.597)	(9.861.860.833)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>467.967.012.207</b>	<b>280.036.470.041</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.379.958.947)	(155.016.782.587)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	55.571.354
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(813.000.000.000)	(548.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	509.640.000.000	821.640.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(52.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	86.847.256.030	52.949.261.698
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(228.892.702.917)</b>	<b>119.628.050.465</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	124.607.180.346
Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.140.467.435)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(265.342.758.200)	(504.472.941.441)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(303.483.225.635)</b>	<b>(379.865.761.095)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(64.408.916.345)</b>	<b>19.798.759.411</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>67.939.072.092</b>	<b>48.140.312.681</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70 4</b>	<b>3.530.155.747</b>	<b>67.939.072.092</b>

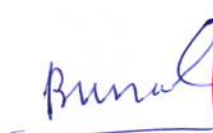
Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

## **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

### **(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện và điện mặt trời);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình, thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
<b>Các công ty con</b>					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Kinh doanh thủy điện	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
<b>Các công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Kinh doanh phong điện	20%	20%	20%	20%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 110 nhân viên (1/1/2022: 110 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

204  
II N  
IG  
KP  
HỒ



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 11 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nguyên giá xây dựng cơ bản dở dang được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN mà theo đó chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Chi phí khôi phục hiện trường***

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy thủy điện khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

01/12  
CHI  
ÔN  
K  
H P

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.260.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng	2.270.155.747	2.939.072.092
Các khoản tương đương tiền	-	65.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.530.155.747</b>	<b>67.939.072.092</b>
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	<u>31/12/2022</u>		<u>1/1/2022</u>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	733.000.000.000	733.000.000.000	415.000.000.000	415.000.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 6,2% đến 8,5% (1/1/2022: 3,9% đến 5,1%).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

			31/12/2022		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty con</b>					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	13.720.000	99,92%	137.200.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	4.893.443	61,17%	48.934.430.000	-	(*)
			186.134.430.000	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	10.000.000	20%	100.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35%	1.400.000.000	-	(*)
			101.400.000.000	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	177.795.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-	
			438.394.430.000	-	

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

			1/1/2022		
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty con</b>					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	13.720.000	99,92%	137.200.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	4.893.443	61,17%	48.934.430.000	-	(*)
			186.134.430.000	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	10.000.000	20%	100.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35%	1.400.000.000	-	(*)
			101.400.000.000	-	
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	256.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-	
			438.394.430.000	-	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	251.545.583.617	148.800.677.421
Các khách hàng khác	21.065.113.263	21.608.785.764
	<hr/>	<hr/>
	<b>272.610.696.880</b>	<b>170.409.463.185</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	251.545.583.617	148.800.677.421
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.833.161.704	3.755.593.048
Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH	47.173.765	45.887.127
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**7. Phải thu về cho vay**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	80.560.000.000	95.200.000.000
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(14.640.000.000)	(14.640.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	65.920.000.000	80.560.000.000

Điều khoản và điều kiện của khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi</b>	<b>Năm</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>tiền</b>	<b>suất năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cho vay</b>		Lãi suất tiết			
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng		kiệm 12			
Tây Nguyên – công ty con	VND	tháng + 0,5%	2028	80.560.000.000	95.200.000.000
				<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả trong 31 kỳ, tiền gốc và tiền lãi sẽ được hoàn trả theo quý hàng năm bắt đầu từ tháng 12 năm 2020 và được đảm bảo bằng dòng tiền từ doanh thu bán điện của Nhà máy Thủy điện Đại Nga.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	3.264.494.624	2.339.254.146
<b><i>Bên thứ ba</i></b>		
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	7.986.895.700	4.854.205.000
Các khoản phải thu khác	4.327.897.808	2.539.899.282
	42.846.980.169	37.001.050.465

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2022 Giá gốc VND	1/1/2022 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	1.281.163.609	356.156.485
Công cụ và dụng cụ	23.629.498	12.569.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.188.668.520	673.610.934
	2.493.461.627	1.042.336.919

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	1.332.831.503.362	1.074.239.875.567	177.972.153.705	24.858.718.217	2.609.902.250.851
Tăng trong năm	2.560.695.582	419.120.370	-	749.000.000	3.728.815.952
Số dư cuối năm	1.335.392.198.944	1.074.658.995.937	177.972.153.705	25.607.718.217	2.613.631.066.803
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.245.313.985.125	656.472.843.267	114.027.104.536	5.049.350.967	2.020.863.283.895
Khấu hao trong năm	6.483.287.225	45.920.567.716	6.860.759.268	2.524.515.078	61.789.129.287
Điều chỉnh khác (i)	2.510.885.734	(11.172.155.953)	4.890.870.143	1.595.963.463	(2.174.436.613)
Số dư cuối năm	1.254.308.158.084	691.221.255.030	125.778.733.947	9.169.829.508	2.080.477.976.569
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	87.517.518.237	417.767.032.300	63.945.049.169	19.809.367.250	589.038.966.956
Số dư cuối năm	81.084.040.860	383.437.740.907	52.193.419.758	16.437.888.709	533.153.090.234

(i) Trong năm 2022, Công ty đã điều chỉnh giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 1.945.491 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.945.215 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 480.988 triệu VND (1/1/2022: 534.406 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	13.151.533.335	158.280.000	13.309.813.335
Tăng trong năm	-	980.422.598	980.422.598
Số dư cuối năm	13.151.533.335	1.138.702.598	14.290.235.933
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	3.771.888.318	130.395.963	3.902.284.281
Khấu hao trong năm	429.251.004	123.951.701	553.202.705
Số dư cuối năm	4.201.139.322	254.347.664	4.455.486.986
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	9.379.645.017	27.884.037	9.407.529.054
Số dư cuối năm	8.950.394.013	884.354.934	9.834.748.947

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 158 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Số dư đầu năm	1.943.292.479	1.885.961.496
Tăng trong năm	19.659.863.501	97.681.808.781
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	5.001.220.397	93.180.513.779
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	14.658.643.104	4.501.295.002
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(14.658.643.104)	(4.501.295.002)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(93.123.182.796)
Số dư cuối năm	6.944.512.876	1.943.292.479

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Văn phòng làm việc tại Thành phố Đồng Xoài	6.298.368.673	1.297.148.276
Dự án Điện Mặt trời Thác Mơ 375MWp	646.144.203	646.144.203
	6.944.512.876	1.943.292.479
	6.944.512.876	1.943.292.479

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Bên thứ ba</i></b>		
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	5.410.755.888	1.948.457.562
Công ty TNHH Thành Phát	4.241.620.333	638.486.785
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Đức Khanh	4.211.740.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xây dựng KCT	1.142.186.588	2.366.879.694
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	-	2.669.500.000
Các nhà cung cấp khác	19.396.314.555	18.975.721.700
	34.402.617.364	26.599.045.741
	34.402.617.364	26.599.045.741

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<b>Thuế</b>	<b>1/1/2022 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số cán trừ trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>31/12/2022 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.850.827.987	78.135.103.798	(4.585.997.378)	(73.503.322.016)	3.896.612.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.866.837.350	121.527.512.924	-	(71.501.056.430)	60.893.293.844
Thuế thu nhập cá nhân	189.601.594	6.465.029.133	-	(6.330.504.014)	324.126.713
Thuế tài nguyên	4.364.062.337	80.301.584.953	-	(81.763.009.523)	2.902.637.767
Các loại thuế khác	-	2.197.505.780	-	(2.169.376.917)	28.128.863
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.621.859.052	30.973.066.308	-	(31.304.510.640)	7.290.414.720
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	6.812.460.000	-	(13.624.920.000)	-
	<b>33.705.648.320</b>	<b>326.412.262.896</b>	<b>(4.585.997.378)</b>	<b>(280.196.699.540)</b>	<b>75.335.214.298</b>

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước thể hiện số tiền thuế đất nộp thừa.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	648.701.430	477.278.315
Chi phí thuê đất	-	884.222.880
Chi phí khác	1.429.295.514	1.129.706.920
	<hr/>	<hr/>
	2.077.996.944	2.491.208.115

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	9.560.918.087	8.903.676.287
Kinh phí công đoàn	173.180.000	175.328.000
Các khoản phải trả khác	1.249.537.524	1.427.014.545
	<hr/>	<hr/>
	10.983.635.611	10.506.018.832

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2022 VND</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND</b>
		<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	
Vay dài hạn đến hạn trả	39.262.245.888	49.732.178.127	(38.140.467.435)	50.853.956.580

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	406.831.652.643	444.972.120.078
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(50.853.956.580)	(39.262.245.888)
	355.977.696.063	405.709.874.190

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay từ Ngân hàng Shinhan Việt Nam	VND	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3%	2030	406.831.652.643	444.972.120.078

Khoản vay này có hạn mức tối đa là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp.

Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2020. Trong năm 2022, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số SHBVN/CMC/122020/HDTD/TMP.PL01 ngày 27 tháng 6 năm 2022 để điều chỉnh lịch trả nợ. Theo đó, khoản vay trên sẽ được hoàn trả trong 35 kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 480.988 triệu VND (1/1/2022: 534.406 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.732.400.887	4.535.972.687
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	16.975.169.500	5.900.184.000
Sử dụng trong năm	(11.925.757.597)	(7.703.755.800)
	7.781.812.790	2.732.400.887



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	174.700.416.113	540.719.505.743	1.471.874.289.947
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	315.694.673.125	315.694.673.125
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	57.268.684.474	(57.268.684.474)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.900.184.000)	(5.900.184.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(506.100.000.000)	(506.100.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(1.207.767.983)	(1.207.767.983)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	231.969.100.587	285.937.542.411	1.274.361.011.089
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	559.079.420.150	559.079.420.150
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.975.169.500)	(16.975.169.500)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(266.000.000.000)	(266.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739

CHỖ CHỮ  
 NH  
 NH  
 01-0

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

	31/12/2022 và 1/1/2022		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	70.000.000	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đều được thành lập tại Việt Nam.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 5 năm 2022, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 210.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (2021: phân phối khoản cổ tức 506.100 triệu VND, tương đương 7.230 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 6 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2022 cho các cổ đông là 56.000 triệu VND, tương đương 800 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	231.969.100.587	174.700.416.113
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	58.962.372.911	57.268.684.474
Số dư cuối năm	<u>290.931.473.498</u>	<u>231.969.100.587</u>

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.538.310.846	1.223.634.839
Trong vòng hai đến năm năm	14.644.080.808	4.894.539.356
Trên năm năm	21.177.677.491	22.401.312.330
	<u>39.360.069.145</u>	<u>28.519.486.525</u>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.211.460.000	5.676.292.540

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	930.947.292.673	620.325.808.143
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	12.317.895.786	14.456.119.792
	943.265.188.459	634.781.927.935

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	258.849.142.295	214.479.985.367
<i>Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	118.087.111.261	92.025.621.956
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	61.981.571.058	59.368.277.431
<i>Chi phí nhân công</i>	34.076.729.485	29.630.154.826
<i>Chi phí nguyên vật liệu</i>	9.532.307.868	6.271.378.515
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	14.658.643.104	4.501.295.002
<i>Chi phí khác</i>	20.512.779.519	22.683.257.637
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	10.242.515.630	12.048.954.174
	269.091.657.925	226.528.939.541

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	32.246.339.230	27.517.286.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.733.607.500	26.255.886.000
	89.979.946.730	53.773.172.150

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	34.299.833.827	31.804.516.955
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.568.295.000)
	<hr/> 34.299.833.827	<hr/> 30.236.221.955

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	16.976.429.877	14.543.263.205
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.806.800.648	1.495.991.868
Thuế, phí và lệ phí	360.760.934	1.496.936.609
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	4.234.955.033	15.000.000.000
Chi phí khác	30.497.621.688	17.060.265.059
	<hr/> 53.876.568.180	<hr/> 49.596.456.741

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	9.962.252.890	6.701.323.537
Chi phí nhân công và nhân viên	51.053.159.362	44.173.418.031
Chi phí khấu hao và phân bổ	62.342.331.992	60.865.214.040
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	14.658.643.104	4.501.295.002
Thuế, phí và lệ phí	118.447.872.195	93.522.558.565
Chi phí khác	66.503.966.562	66.361.587.107
	<hr/>	<hr/>

001-  
 NH  
 TNH  
 G  
 CH

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	120.893.293.844	66.866.837.350
Dự phòng thiếu trong những năm trước	634.219.080	-
	121.527.512.924	66.866.837.350

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	680.606.933.074	382.561.510.475
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	136.121.386.615	76.512.302.095
Ưu đãi thuế	(3.256.103.270)	(4.484.644.545)
Chi phí không được khấu trừ thuế	208.951.079	90.357.000
Thu nhập không bị tính thuế	(11.546.721.500)	(5.251.177.200)
Biến động chênh lệch tạm thời	(634.219.080)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	634.219.080	-
	121.527.512.924	66.866.837.350

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời của Công ty có doanh thu (2020). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời có doanh thu (2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2024 đến 2032).



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.484.596.933	7.004.493.252
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần</b>		
Chia cổ tức	138.097.700.000	262.749.045.000
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên</b>		
Cổ tức được chia	13.720.000.000	2.744.000.000
Thu nhập lãi cho vay	5.598.437.699	6.330.838.164
Thu nợ gốc cho vay	14.640.000.000	14.640.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa</b>		
Cổ tức được chia	12.233.607.500	9.786.886.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Góp vốn	-	52.000.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Năng Lượng REE</b>		
Chia cổ tức	113.406.212.000	215.770.240.200
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Bán điện	930.633.710.507	619.983.952.845
<b>Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Bán điện	313.582.166	341.855.298
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.504.762.640	2.027.740.860
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh</b>		
Cổ tức được chia	21.600.000.000	13.500.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai</b>		
Cổ tức được chia	180.000.000	225.000.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin</b> Mua hàng hóa, dịch vụ	332.574.947	305.275.976
<b>Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh</b> Mua hàng hóa, dịch vụ	68.414.816	169.388.659
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b> <b>Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	813.187.000	393.648.000
<b>Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	1.448.896.000	1.108.428.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b> <b>Huỳnh Văn Khánh – Chủ tịch</b> Tiền lương và thù lao	849.054.000	649.396.000
<b>Nguyễn Quang Quyền – Thành viên</b> Thù lao	110.400.000	72.000.000
<b>Nguyễn Văn Non – Thành viên</b> Thù lao	-	72.000.000
<b>Lê Tuấn Hải – Thành viên</b> Thù lao	110.400.000	72.000.000
<b>Đoàn Đức Toàn – Thành viên</b> Thù lao	56.580.000	-
<b>Nguyễn Lê Hoàng – Thành viên</b> Thù lao	11.132.000	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b> Thù lao	929.062.000	617.471.000

042-0  
 NHÀ  
 TY  
 PM  
 Ồ HỒ



**Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**


	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	2.669.500.000	54.216.135.676

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

  
Đâu Đình Trung  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Bùi Thị Kim Na  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Non  
Tổng Giám đốc

